



Số: 275.26/KT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
- Loại mẫu : Khí thải
- Số lượng : 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu : 30/6/2026
- Ngày trả kết quả : 10/7/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp sử dụng
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	0,75	US EPA 05 (*)
02	SO ₂	mg/Nm ³	0	QT-KT-008 (*)
03	CO	mg/Nm ³	609,9	QT-KT-008 (*)
04	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	290,71	QT-KT-008 (*)

Ghi chú:

- 275.26/KT01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 08 tấn hơi/giờ (sử dụng nhiên liệu trấu). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1028340; Y = 576457.
- (*): Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 304.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

**TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH**

Nguyễn Hoàng Việt



Nguyễn Đức Trí



Số: 195.26/NT09

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU**
2. Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
3. Loại mẫu : Nước thải
4. Số lượng : 01 mẫu
5. Ngày nhận mẫu : 28/5/2026
6. Ngày trả kết quả : 08/6/2026
7. Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp sử dụng
01	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	24,8	TCVN 6625:2000
02	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	15,8	TCVN 6001-1:2021
03	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	33,5	SMEWW 5220C:2023
04	Tổng Photpho	mg/L	<0,06 (LOQ = 0,06)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
05	Tổng Nitơ	mg/L	16,3	TCVN 6638:2000
06	Sắt (Fe)	mg/L	0,07	TCVN 6177:1996
07	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	490,0	TCVN 6194:1996
08	Clo dư	mg/L	<0,6 (LOQ = 0,6)	TCVN 6225-3:2012
09	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	4,9x10 ²	SMEWW 9221B:2023
10	Độ màu	Pt-Co	14,6	SMEWW 2120C:2023 (*)
11	Florua	mg/L	0,45	SMEWW 4500-F.B&D:2023 (*)
12	Sulfua	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023 (*)
13	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	0,0037	MEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023 (*)
14	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD = 0,0015)	SMEWW 5530B&C:2023 (*)
15	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	SMEWW 3111B:2023 (*)
16	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1,0)	SMEWW 5520B&F:2023 (*)

Ghi chú:

- 195.26/NT09: Nước thải sau HTXLNT của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
- “LOD”: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích phòng thí nghiệm; “KPH”: Không phát hiện.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ - QUAN TRẮC

Địa chỉ: Số 125, đường Đinh Tiên Hoàng, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại: 0290 3816817



VIMCERTS 188

- “LOQ”: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích phòng thí nghiệm.
- (*): Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 304.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Mẫu được lưu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ mẫu vi sinh.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH

Nguyễn Hoàng Việt



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Nghiệm

